

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ;

Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Thủy sản

Chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **HUỲNH MINH SANG**

2. Ngày tháng năm sinh: 20/10/1973; Nam ☒; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 85 Gò Cây Sung, xã Vĩnh Thạnh, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

6. Địa chỉ liên hệ: Viện Hải dương học, 01 Cầu Đá, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại di động: 0947746464; E-mail: hmsang2000@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/1997 – 12/2000. Nghiên cứu viên Viện Hải dương học

Từ 1/2001 – 12/2002: Học Diploma kinh tế nông nghiệp tại đại học Curtin - Australia

Từ 1/2001 – 12/2003: Học Thạc sĩ tại đại học Curtin - Australia

Từ 1/2004 – 12/2006: Nghiên cứu viên, Viện Hải dương học

Từ 1/2017 – 12/2010: Nghiên cứu sinh, Bộ môn Môi trường và Nông nghiệp, trường Khoa học, Đại học Công nghệ Curtin, Australia.

Từ 1/2011 – 12/2016: Nghiên cứu viên tại Viện Hải dương học

Từ 1/2017 – nay: Nghiên cứu viên chính, trưởng phòng tại Viện Hải dương học

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Hải dương học

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Địa chỉ cơ quan: 01 Cầu Đá, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa..

Điện thoại cơ quan: 0258.3590036

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Trường Đại học Nha Trang
- Trường Đại học Hạ Long, UBND tỉnh Quảng Ninh
- Trường Đại học Đà Lạt, Bộ Giáo dục và Đào tạo

8. Đã nghỉ hưu: Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 13 tháng 9 năm 1997; số văn bằng: B-51902; ngành: Thủy sản, chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Thủy sản (nay là trường Đại học Nha Trang), Việt Nam.
- Được cấp bằng Diploma Kinh tế nông nghiệp 1/12/2002; số văn bằng 108254; ngành nông nghiệp; Nơi cấp bằng Diploma: Đại học Công nghệ Curtin, Australia.
- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 7 năm 2004; số văn bằng: 123875; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản; Nơi cấp bằng ThS: Viện Muresk - Đại học Công nghệ Curtin, Australia.
- Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 08 năm 2011; số văn bằng: 200133; ngành: Môi trường và Nông nghiệp; chuyên ngành: không; Nơi cấp bằng TS: Đại học Công nghệ Curtin, Australia.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Nha Trang.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu sinh lý dinh dưỡng vật nuôi thủy sản: Các nghiên cứu tập trung vào việc xác định ảnh hưởng của các chất có hoạt tính sinh học bổ sung vào thức ăn lên tăng trưởng, các chức năng sinh lý và miễn dịch của động vật nuôi thủy sản.

(2) Nghiên cứu cơ sở khoa học cho sinh sản nhân tạo và bảo tồn các sinh vật thủy sản: Các nghiên cứu tập trung vào việc xác định các đặt điểm sinh học sinh sản, sinh trưởng của các đối tượng có giá trị kinh tế, làm cơ sở khoa học cho nghiên cứu sinh sản nhân tạo và bảo tồn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (hướng dẫn phụ) 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS và đang hướng dẫn (hướng dẫn chính) 01 NCS;
- Đã hướng dẫn chính 02 HVCH và hướng dẫn phụ 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã chủ trì và hoàn thành 07 đề tài cấp bộ và tương đương (2 đề tài NAFOSTED, 1 đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 4 đề tài cấp tỉnh).

- Đã công bố (số lượng) 49 bài báo khoa học, trong đó 19 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín (SCIE/Scopus/Scimago);

- Số lượng sách đã xuất bản 02 chương sách quốc tế chuyên khảo, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản quốc tế có uy tín; đồng tác giả 01 sách chuyên khảo trong nước.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong 28 năm công tác tại Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, tôi đã nỗ lực phấn đấu học tập, bồi dưỡng trình độ chuyên môn để đáp ứng tiêu chuẩn của người làm công tác nghiên cứu và tham gia đào tạo ngành nuôi trồng thủy sản.

Từ năm 2013, tham gia vào hoạt động đào tạo, tôi có gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: Đã tham gia hướng dẫn 08 học viên cao học cho Trường Đại học Nha Trang, trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh bảo vệ thành công luận án; là hướng dẫn phụ của 2 NCS đã hoàn thành chương trình tiến sĩ và đang là hướng dẫn chính của 01 NCS. Từ 2022 đến nay, tôi đã tham gia giảng dạy trực tiếp ở nhiều cơ sở đào tạo ở các bậc học đại học, thạc sĩ và tiến sĩ bao gồm Học viện Khoa học và Công nghệ (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam), trường Đại học Nha Trang (Bộ giáo dục và Đào tạo), trường Đại học Hạ Long (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh). Tôi đã thành tốt nhiệm vụ đào tạo được giao, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành nuôi trồng thủy sản. Trong 3 năm gần nhất, tôi đều hoàn thành vượt định mức số giờ giảng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho giảng viên thỉnh giảng. Trong công tác đào tạo, tôi cũng tham gia nhiều hội đồng đánh giá đề án Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ của các cơ sở đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản và quản lý nguồn lợi thủy sản.

Trong nghiên cứu khoa học, tôi đã chủ trì và tham gia nhiều nhiệm vụ khoa học công nghệ, bao gồm đã chủ trì và hoàn thành 07 đề tài cấp bộ và tương đương (2 đề tài NAFOSTED, 1 đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 4 đề tài cấp tỉnh). Thụ ký khoa học của 3 đề tài cấp bộ và tương đương, là thành viên chính và thành viên tham gia thực hiện của nhiều đề tài cấp quốc gia, cấp bộ/tỉnh. Bản thân đã xuất bản được 49 bài báo, báo cáo tại hội nghị, trong đó có 19 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín (SCIE/Scopus/Scimago). Tham gia xuất bản 2 chương sách và 1 sách chuyên khảo chuyên ngành nuôi trồng thủy sản.

Bên cạnh công tác chuyên môn, tôi cũng luôn rèn luyện đạo đức, tác phong nhà giáo, tham gia vào các hoạt động cộng đồng, góp phần phục vụ sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020		2					0/16,7/105 ⁽¹⁾
2	2020-2021		2					0/16,7/105 ⁽²⁾
3	2021-2022		2					0/106,7/105 ⁽³⁾
03 năm học cuối								
4	2022-2023	1	1	1			67,5	67,5/182,5/105 ⁽⁴⁾
5	2023-2024	1				105	120	225/258,3/105 ⁽⁵⁾
6	2024-2025	1				105	36	141/192,3/105 ⁽⁶⁾

Ghi chú:

⁽¹⁾ Bao gồm: Hướng dẫn phụ NCS Trần Đức Diễm (theo QĐ hướng dẫn số 891/QĐ-HVKHCN ngày 12/09/2019 và QĐ công nhận TS. số 1257/QĐ-HVKHCN ngày 01/11/2023): 16,7 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi (Theo mẫu 2 học viện Khoa học và Công nghệ)

⁽²⁾ Bao gồm: Hướng dẫn phụ NCS Trần Đức Diễm (theo QĐ hướng dẫn số 891/QĐ-HVKHCN ngày 12/09/2019 và QĐ công nhận TS. số 1257/QĐ-HVKHCN ngày 01/11/2023): 16,7 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi (Theo mẫu 2 học viện Khoa học và Công nghệ)

⁽³⁾ Bao gồm: Hướng dẫn phụ NCS Nguyễn Thị Hải Thanh (theo QĐ hướng dẫn số 365/QĐ-ĐHNT ngày 15/4/2015 và QĐ công nhận học vị tiến sĩ số 1258/QĐ-ĐHNT 24/11/2021: 90 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi (theo Mẫu 2 – trường Đại học Nha Trang); Hướng dẫn phụ NCS Trần Đức Diễm (theo QĐ hướng dẫn số 891/QĐ-HVKHCN ngày 12/09/2019 và QĐ công nhận TS. số 1257/QĐ-HVKHCN ngày 01/11/2023): 16,7 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi (Theo mẫu 2 học viện Khoa học và Công nghệ). Tổng giờ chuẩn giảng dạy chuẩn qui đổi: $90 + 16,7 = 106,7$

⁽⁴⁾ Bao gồm: Giảng dạy thính giảng trực tiếp trên lớp tại Học viện Khoa học và Công nghệ: 67,5 giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (Theo mẫu 2 học viện Khoa học và Công nghệ); Hướng dẫn 01 Thạc sĩ (HV. Lương Thủy Tiên tại Trường ĐH Đà Lạt theo quyết định chấm luận văn thạc sĩ số 202/QĐ-ĐHDL ngày 23/03/2023): 65 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi (theo mẫu 2 của trường ĐH Đà Lạt); Hướng dẫn chính NCS Trần Trung Can (theo QĐ số 2047/QĐ-HVKHCN ngày 30/11/2022): 33,3 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi; Hướng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

dẫn phụ NCS Trần Đức Diễn (theo QĐ hướng dẫn số 891/QĐ-HVKHCN ngày 12/09/2019 và QĐ công nhận TS. số 1257/QĐ-HVKHCN ngày 01/11/2023): 16,7 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi. Tổng giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp: 67,5 giờ; Tổng giờ chuẩn giảng dạy quy đổi: $67,5 + 65 + 33,3 + 16,7 = 182,5$ giờ

(5) Bao gồm: Giảng dạy thỉnh giảng trực tiếp trên lớp tại trường ĐH Hạ Long: 105 giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (theo mẫu 2 của trường đại học Hạ Long). Giảng dạy trực tiếp trên lớp SDH tại học viện Khoa học và Công nghệ 120 giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp (Theo mẫu 2 của học viện Khoa học và Công nghệ). Hướng dẫn chính NCS Trần Trung Can (theo QĐ số 2047/QĐ-HVKHCN ngày 30/11/2022): 33,3 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi; Tổng giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp: $105 + 120 = 225$ giờ; Tổng giờ chuẩn giảng dạy quy đổi: $105 + 120 + 33,3 = 258,3$ giờ.

(6) Bao gồm: Giảng dạy thỉnh giảng trực tiếp tại trường ĐH Hạ Long: 105 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi (Theo mẫu 2 trường Đại học Hạ Long); Giảng dạy trực tiếp SDH tại trường đại học Nha Trang: 36 giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (Theo mẫu 2 trường Đại học Nha Trang). Hướng dẫn chính NCS Trần Trung Can (theo QĐ số 2047/QĐ-HVKHCN ngày 30/11/2022): 33,3 giờ chuẩn giảng dạy quy đổi (Theo mẫu 2 Học viện Khoa học và Công nghệ); Tổng giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp: $105 + 36 = 141$ giờ; Tổng giờ chuẩn giảng dạy quy đổi: $105 + 54 + 33,3 = 192,3$ giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm
- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ; tại nước: Australia năm 2003
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ; tại nước: Australia năm 2011

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Văn Bằng		X		X	6/2012-2/2013	Trường Đại học Nha Trang	Cấp bằng ngày 11/4/2013. Số hiệu A050835. Số 13018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Trần Đức Diễm		X		X	6/2012-2/2013	Trường Đại học Nha Trang	28/6/2013. Số hiệu A056289. Sổ 13060.
3	Hồ Sơn Lâm		X	X		18/2012-11/2013	Trường Đại học Nha Trang	17/10/2013. Số hiệu A066939. Sổ 13172
4	Đặng Trần Tú Trâm		X		X	18/2012-11/2013	Trường Đại học Nha Trang	19/12/2013. Số hiệu A078829. Sổ 13189
5	Hoàng Hà Giang		X		X	12/2013 – 11/2014	Trường Đại học Nha Trang	30/12/2016. Số hiệu A165001. Sổ 17065
6	Trương Bá Hải		X		X	12/2016-8/2017	Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	3/10/2017. Số hiệu NLU-14-2531. Sổ NLU-8-2017-105/BS
7	Đào Thị Hồng Ngọc		X		X	4/2017-10/2017	Trường Đại học Nha Trang	30/3/2018. Số hiệu A191690. Sổ 18592
8	Lương Thùy Tiên		X	X		9/2022-3/2023	Trường Đại học Đà Lạt	29/5/2023. Số hiệu TDL000590. Sổ 014/Ths/2023
9	Nguyễn Thị Hải Thanh	X			X	4/2015-2021	Trường Đại học Nha Trang	24/11/2021. Số hiệu D000019. Sổ 005/TS21
10	Trần Đức Diễm	X			X	9/2019-11/2023	Học Viện Khoa học và Công nghệ	1/11/2023. Số hiệu GUST/TS 602. Sổ TS94/2023/MAR/13

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận TS							
1	Oligosaccharides: Sources, Properties and Applications	CK	Nova Science Publishers/ ISBN:978-1-61122-424-5, 2011	2	X	Chương 9: The Mannan Oligosaccharides in Aquaculture, trang 245 - 268	
II Sau khi được công nhận TS							
1	Recent Advances and New Species in Aquaculture	CK	Wiley-Blackwell/ ISBN: 978-1-4051-7664-4	2		Chương 6: Cobia, trang 179 - 198	
2	Nguồn lợi hải Việt Nam – Sinh thái và kỹ thuật nuôi nâng cao	CK	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ: ISBN: 978-604-357-322-0	3	X		QĐ 305/QĐ-HVKHCN ngày 29/04/2025 của Học viện Khoa học và Công nghệ

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1					
II Sau khi được công nhận TS					
1	Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây chết ngêu <i>Meretrix lyrata</i> (Sowerby, 1851), sò huyết <i>Anadara granosa</i> (Linnaeus, 1758) và đề xuất các giải pháp khắc phục để phát triển bền vững nghề nuôi ngêu và sò huyết ở Bến Tre	CN	Cấp tỉnh	2011-2013	26/4/2014/Xếp loại đạt ⁽²⁾

2	ĐT: Ảnh hưởng của mannan-oligosacharide (MOS) đến sức khỏe của tôm sú nuôi (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius, 1798)	CN	106.13-2011.47 Cấp bộ	2011-2013	15/1/2014/Xếp loại đạt ⁽¹⁾
3	ĐT: Nghiên cứu hiệu quả của selenium hữu cơ (OS) bổ sung vào thức ăn trong nuôi cá chim vây vàng, <i>Trachinotus blochii</i> (Lacepide, 1801).	CN	106.NN.05-2013.06 Cấp bộ	2014-2016	1/9/2016/Xếp loại đạt ⁽¹⁾
4	ĐT: Nghiên cứu ảnh hưởng của chất kích thích miễn dịch, β -glucan bổ sung vào thức ăn lên sinh trưởng và đáp ứng miễn dịch tự nhiên của cá chim vây ngắn, <i>Trachinotus ovatus</i> (Linnaeus, 1758)	TK	106-NN.05-2014.06 Cấp bộ	03/2015 đến 03/2018	26/1/2019/Xếp loại đạt
5	ĐT: Đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý nguồn lợi thủy sản vùng ngập mặn ở Huyện Cần Giờ thành phố Hồ Chí Minh	CN	Cấp tỉnh	12/2015-12/2017	15/5/2018/Xếp loại đạt ⁽²⁾
6	ĐT: Đánh giá hiện trạng khai thác và khả năng sinh sản nhân tạo cá bớp nẻ xanh (<i>Paracanthurus hepatus</i> Linnaeus 1776) ở Khánh Hòa	CN	VAST06.04/15-16 Cấp bộ	1/2015-6/2017	5/2/2018/Xếp loại đạt ⁽¹⁾
7	ĐT: Điều tra, đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững của Dẹp tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	CN	Cấp tỉnh	7/2019-12/2021	19/11/2022/Xếp loại đạt ⁽²⁾
8	ĐT: Hoàn thiện qui trình và thử nghiệm sản xuất giống và nuôi thương mại cá khoang cổ nemo <i>Amphiprion ocellaris</i>	TK	VAST.SXT N.03/17-18; Cấp bộ	2/2017 – 6/2019	11/11/2019; Xếp loại: Khá
9	ĐT: Phát triển thương mại cá khoang cổ nemo (<i>Amphiprion ocellaris</i>) đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu	TK	UDSPTM.04/21-22 Cấp bộ	01/2021-6/2023	10/8/2023; Xếp loại: Xuất sắc
10	ĐT: Điều tra, đánh giá hiện trạng nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, khai thác hợp lý nguồn lợi Chíp Chíp <i>Paratapes undulatus</i> (Born, 1788) trên vùng cửa sông thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng	CN	Cấp tỉnh	12/2020 – 6/2023	31/8/2023/Xếp loại đạt ⁽¹⁾

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký. ⁽¹⁾: Kèm theo minh chứng đầy đủ. ⁽²⁾: Minh chứng là giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ/quyết định công nhận kết quả.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Growth, survival, hemolymph osmolality and organosomatic indices of the western king prawn (<i>Penaeus latisulcatus</i> Kishinouye, 1896) reared at different salinity	2	X	Aquaculture ISSN: 0044-8486, doi: 10.1016/j.aquaculture.2004.01.008	SCIE, (IF: 3.9, Q1)	104	234, 601-614	3/2004
2	The Effects of Air Exposure on Hemolymph Osmoregulatory Capacity of Brown Tiger Shrimp, <i>Penaeus esculentus</i> , and Western King Shrimp, <i>Penaeus latisulcatus</i> , Reared at Different Salinities	2	X	Journal of Applied Aquaculture ISSN: 1545-0805, doi: 10.1300/J028v16n03_05	Scopus, (IF: 1.2, Q2)	15	16(3/4), 79-94	2005
3	Experiments on using hatchery-reared <i>Trochus niloticus</i> juveniles for stock enhancement in Vietnam	6		SPC Trochus Information Bulletin ISSN: 1025-7454, Link tại đây		14	13, 13-18	7/2007
4	Culture of <i>Panulirus ornatus</i> lobster fed fish by-catch or co-cultured <i>Perna viridis</i> mussel in sea cages in Vietnam	4		Spiny lobster aquaculture in the Asia-Pacific region ISBN: 978 1 921615 528, Link tại đây		16	132, 118-125	2009

5	Dietary supplementation of mannan oligosaccharide improves the immune responses and survival of marron, <i>Cherax tenuimanus</i> (Smith, 1912) when challenged with different stressors	3	X	Fish & Shellfish Immunology ISSN: 1050-4648, doi: 10.1016/j.fsi.2009.06.003	SCIE, (IF: 4.2, Q1)	95	27, 341-348	8/2009
6	Prebiotic mannan oligosaccharide diet improves health status of the digestive system of marron, <i>Cherax tenuimanus</i> (Smith 1912)	2	X	Journal of Applied Aquaculture ISSN: 1545-0805, doi: 10.1080/10454438.2010.500593	Scopus, (IF:1.2, Q2)	14	22,240-250	9/2010
7	Effects of mannan oligosaccharide dietary supplementation on performances of the tropical spiny lobsters juvenile (<i>Panulirus ornatus</i> , Fabricius 1798)	2	X	Fish & Shellfish Immunology ISSN: 1050-4648, doi: 10.1016/j.fsi.2009.12.011	SCIE, (IF: 4.2, Q1)	94	28,483-489	3/2010
8	Effects of dietary be 1,3 Beta glucan on the growth, survival, physiological and immune response of marron, <i>Cherax tenuimanus</i> (Smith, 1912)	2	X	Fish & Shellfish Immunology ISSN: 1050-4648, doi: 10.1016/j.fsi.2010.01.020	SCIE, (IF: 4.2, Q1)	31	28, 957-960	6/2010
9	Effects of Dietary Mannan Oligosaccharide on Survival, Growth, Physiological Condition and Immunological Responses of Marron, <i>Cherax tenuimanus</i> (Smith, 1912)	2	X	Journal of the World Aquaculture Society ISSN: 1749-7345, doi: 10.1111/j.174-7345.2011.00459.x	SCIE, (IF: 3.4, Q1)	10	42(2), 230-241	4/2011

10	Effects of dietary mannan oligosaccharide on the survival, growth, immunity and digestive enzyme activity of freshwater crayfish, <i>Cherax destructor</i> Clark (1936)	3	X	Aquaculture Nutrition ISSN: 1353-5773, doi: 10.1111/j.1365-2095.2010.00812.x	SCIE, (IF: 3, Q1)	69	17, 629-635	10/2010
II Sau khi được công nhận TS								
11	Tổng quan về việc sử dụng Mannan oligosaccharides trong nuôi trồng thủy sản	2	X	Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế “Biển Đông 2012” ISBN: 978-604-913-172-1, Link tại đây		2	269-278	2013
12	Effects of Mannan Oligosaccharide (MOS) on Survival and Physiological and Immunological Response of Black Tiger Prawn (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius, 1798) when Challenged with two Different Stressors	2	X	The Israeli Journal of Aquaculture – Bamidgheh ISSN: 0792-156X, doi: 10.46989/001c.20737	SCIE (IF: 0.74, Q3)	3	IJA_66, 981-989	1/2014
13	Effects of dietary mannan oligosaccharide (MOS) on growth, survival, physiological, immunological and gut morphological conditions of black tiger prawn (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius 1798)	3	X	Aquaculture Nutrition ISSN: 1353-5773, doi: 10.1111/anu.12083	SCIE (IF:3, Q1)	26	20,341-348	1/2014
14	Một số đặc điểm sinh trưởng cá đực bạc (<i>Sillago sihama</i> forsskal, 1775) ở đầm Nha Phu - Khánh Hòa	3		Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản/ ISSN: 1859-2252, Link tại đây			2, 111-115	6/2014

15	Ảnh hưởng của thức ăn bổ sung Fructo-oligosaccharide (FOS) lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và các thông số sinh lý của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricus, 1798)	3		Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252, Link tại đây			3, 190-195	8/2014
16	Effects of dietary organic selenium on growth, survival, physiological and hematology conditions of snub-nose dart (<i>Trachinotus blochii</i> Lacepide, 1801)	3	X	The Israeli Journal of Aquaculture – Bamidgheh ISSN: 0792-156X, doi: 10.46989/001c.20702	SCIE, (IF:0.74, Q3)	9	IJA_67. 1181-1188	1/2015
17	Effects of organic selenium (OS) on survival, physiological and immunological response of snub-nose dart <i>Trachinotus blochii</i> Lacepide, 1801) fingerlings when challenged with bacterial infection and copper exposure.	3	X	The Israeli Journal of Aquaculture – Bamidgheh ISSN: 0792-156X, doi: 10.46989/001c.20826	SCIE, (IF:0.74, Q3)	4	IJA_67. 1265-1274	1/2016
18	Dietary b-glucan improved growth performance, Vibrio counts, haematological parameters and stress resistance of pompano fish, <i>Trachinotus ovatus</i> Linnaeus, 1758	3		Fish & Shellfish Immunology ISSN: 1050-4648, doi: 10.1016/j.fsi.2016.03.161	SCIE, (IF:4.2, Q1)	89	54, 402-410	7/2016
19	Hiện trạng nguồn giống thủy sản vùng rừng ngập mặn cần giờ - thành phố hồ chí minh	3		Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252, Link tại đây			4, 80-88	12/2017

20	Ảnh hưởng của Canthaxanthin bổ sung trong thức ăn lên tăng trưởng, tỷ lệ sống, màu sắc da và chỉ số thẩm mỹ của cá khoang cổ nemo, <i>Amphiprion ocellaris</i> cuvier, 1830	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển ISSN: 1859-3097, Link tại đây			17,(4A); 196-204	9/2017
21	Ảnh hưởng của Fructooligosaccharide (FOS) bổ sung vào thức ăn lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và hình thái ruột cá khoang cổ Nemo, <i>Amphiprion ocellaris</i> Cuvier, 1830	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển ISSN: 1859-3097, Link tại đây			17, (4A),18 8-195	9/2017
22	Reproductive biology of blue tang fish <i>Paracanthurus hepatus</i> Linnaeus, 1776 in Khanh Hoa seawater, Viet Nam	2	X	Indian Journal of Geo-Marine Sciences e-ISSN: 2582-6727, Link tại đây	SCIE, (IF:0.5, Q4)	9	47(4), 839-845	4/2018
23	Ảnh hưởng của Vitamin E bổ sung vào thức ăn đến hiệu quả sinh sản, chất lượng trứng và ấu trùng cá khoang cổ Nemo (<i>Amphiprion ocellaris</i>) (Cuvier, 1830)	9		Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển ISSN: 1859-3097, Link tại đây		1	18 (4A),16 5-173	12/2018
24	Tổng quan về việc sử dụng Selen (Se) trong nuôi trồng thủy sản	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển ISSN: 1859-3097, Link tại đây			18(2), 214-221	1/2018
25	Sự phát triển noãn bào của cá khoang cổ yên ngựa <i>Amphiprion Polymnus</i> (Linnaeus, 1978).	5		Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252, doi: 10.53818/jfst.03.2018.436			3, 82-88	9/2018

26	Changes in Plasma and Ovarian Steroid Hormone Level in Wild Female Blue Tang Fish <i>Paracanthurus hepatus</i> during a Reproductive Cycle	5	X	Animals ISSN: 20762615, doi: 10.3390/ani9110889	SCIE, (IF: 3.18, Q1)	19	9,889, 1-10	11/2019
27	Reproductive biology of sagor catfish (<i>Hexanemichthys sagor</i> Hamilton, 1822) in Can Gio water, Viet Nam	3	X	Indian Journal of Geo-Marine Sciences e-ISSN: 2582-6727, Link tại đây	SCIE, (IF:0.5, Q4)	8	48,6, 835-840	6/2019
28	Các giai đoạn phát triển phôi và ấu trùng của cá khoang cổ yên ngựa <i>Amphiprion polymnus</i> (Linnaeus, 1978) trong điều kiện thí nghiệm.	6		Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252, doi: 10.53818/jfst.01.2019.161			1,57-65	11/2019
29	Steroid Hormones in Reproduction and Roles of GnRH-a in Gonadal Maturation of Marine Fish: A Review	4	X	Annual Research & Review in Biology ISSN: 2347-565X, doi: 10.9734/arrb/2019/v34i430161		12	34(4), 1-12	2/2020
30	Ảnh hưởng của astaxanthin bổ sung vào thức ăn lên hiệu quả sinh sản, chất lượng trứng và ấu trùng cá khoang cổ Nemo <i>Amphiprion ocellaris</i>	10		Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển ISSN: 1859-3097, Link vào đây		3	20 (4A), 163-172	10/2020
31	Captive culture of two sea snake species <i>Hydrophis curtus</i> and <i>Hydrophis cyanocinctus</i>	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển ISSN: 1859-3097, Link vào đây			20, (4A), 105-114	10/2020

32	Reproductive Biology of Land Crabs (<i>Gecarcoidea lalandii</i>) in Ly Son Island, Quang Ngai Province - Vietnam	4	X	Annual Research & Review in Biology ISSN: 2347-565X, doi: 10.9734/arrb/2021/v36i130336			36(1), 111-120	3/2021
33	Mariculture in Southern Central Region, Vietnam: Status and Orientation Toward Sustainable Development	3		Journal of Agriculture and Ecology Research International ISSN: 2394-1073, doi: 10.9734/jaeri/2021/v22i530200		4	22(5): 28-37	11/2021
34	Ảnh hưởng của các loại thức ăn vi tảo lên sự tăng sinh khối giáp xác chân chèo <i>Apocyclops sp.</i>	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển ISSN: 1859-3097, Link tại đây			21(4A), 145-152	11/2021
35	Effects of GnRH-a on the ovarian maturation of blue tang fish (<i>Paracanthurus hepatus</i> Linnaeus)	3	X	Indian Journal of Geo-Marine Sciences e-ISSN: 2582-6727, Link tại đây	SCIE, (IF:0.5, Q4)		51(03),2 49-254	3/2022
36	Nghiên cứu khả năng thay thế tảo bằng bột cá trong nuôi sinh khối giáp xác chân chèo <i>Apocyclops sp.</i>	5		Hội nghị Khoa học Quốc tế “Biển Đông 2022” ISBN: 978-604-357-067-0, Link tại đây			1-9	9/2022
37	Nuôi hàu bền vững: trường hợp nghiên cứu thu giống hàu bằng vật liệu vỏ hàu ở vùng biển Bến Tre	6		Hội nghị Khoa học Quốc tế “Biển Đông 2022” ISBN: 978-604-357-067-0, Link tại đây			369-373	9/2022

38	Đặc điểm sinh học sinh sản của chíp chíp <i>Paratapes undulatus</i> (Born, 1778) ở vùng cửa sông thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng	3	X	Hội nghị Khoa học Quốc tế “Biển Đông 2022” ISBN: 978-604-357-067-0, Link tại đây			319-330	9/2022
39	Ảnh hưởng của mật độ nuôi, thức ăn lên tỷ lệ sống và tăng trưởng của cua dẹp <i>gecarcoidea lalandii</i> H. Milne Edwards, 1837, ở Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	1	X	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252, doi: 10.53818/jfst.03.2023.181			3, 21-28	9/2023
40	Phenotypic divergences in growth and the invasion of suckermouth armored catfish reproduction underpin <i>Pterygoplichthys disjunctivus</i> (Loricariidae) to lotic and lentic habitats in Vietnam	6		Water ISSN: 2073-4441, doi: 10.3390/w15203616	SCIE, (IF: 3.3, Q1)	1	15(20), 3616	11/2023
41	Effect of dietary β -glucan supplementation on growth performance, body composition, intestinal microbes, and capacity against pathogen of golden trevally (<i>Gnathanodon speciosus</i> , family Carangidae)	4	X	Journal of the World Aquaculture Society ISSN:1749-7345, doi: 10.1111/jwas.13037	SCIE, (IF: 3.4, Q1)	4	55(1), 1-12	11/2023
42	Ecological Zoning of <i>Paratapes undulatus</i> in Estuaries of Da Nang, Vietnam.	5	X	Journal of Agriculture and Ecology Research International ISSN: 2394-1073, doi: 10.9734/jaeri/2023/v24i4535			24(4), 33-40	4/2023

43	A SWOT Analysis of Aquaculture for Sustainable Management in Coastal Waters of Ba Ria – Vung Tau Province, Vietnam	7		Asian Journal of Fisheries and Aquatic Research ISSN: 2582-3760, doi: 10.9734/ajfar/2023/v25i4690			25(4), 127-138	11/2023
44	Nghiên cứu lựa chọn chế phẩm sinh học tạo floc phù hợp trong nuôi tôm thẻ chân trắng	5		Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản ISSN:1859-2252, doi 10.53818/jfst.04.2023.246			4,3-11	12/2024
45	Effects of single or combination of dietary vitamin C and β -glucan supplementation on golden trevally, <i>Gnathanodon speciosus</i> (Carangidae)	7	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển ISSN: 1859-3097, doi: 10.15625/1859-3097/18449	1		24(1),71-78	2/2024
46	Analysing Consequences of Aquaculture in Coastal Water Bodies of Ba Ria–Vung Tau, Vietnam on Sustainable Development Goals for Environmental Management	2	X	Asian Research Journal of Agriculture ISSN: 2456-561X, doi: 10.9734/arja/2024/v17i4514			17(4),186-198	9/2024
47	Đánh giá năng suất sinh học và tốc độ phát triển của thực vật nổi ở vùng cửa sông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3	X	Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252, doi: 10.53818/jfst.04.2024.522			4, 116-126	12/2024

48	Đánh giá khả năng phân rã chất hữu cơ trong nước ở vùng cửa sông Bà Rịa - Vũng Tàu	4		Kỷ yếu Hội nghị 50 năm thành tựu và thách thức trong nghiên cứu khoa học và công nghệ biển, Hà Nội 18/4/2025 ISBN: 978-604- 357-366-4, Link tại đây			395-408	2025
49	Đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật trại sản xuất giống cá khoang cổ nemo thương mại đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu	4		Tuyển tập báo cáo hội nghị: Thương mại hóa kết quả nghiên cứu: Cơ hội và giải pháp ISBN: 978-604- 357-369-5, Link tại đây			398-406	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 09 – thuộc số thứ tự [12], [13], [16], [17], [22], [26], [27], [35], [41].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò U/V (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (U/V PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Đủ

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm 2019-2020/số giờ thiếu 52,5

Năm 2020-2021/số giờ thiếu 52,5

Năm 2021-2022/số giờ thiếu 52,5

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Năm 2019-2020/số giờ thiếu 88,3

Năm 2020-2021/số giờ thiếu 88,3

Đề xuất CTKH để thay thế giờ chuẩn giảng dạy còn thiếu: tổng số điểm công trình khoa học ≥ 16 .

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: Đủ

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (U/V chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS):
☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học: Đủ

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: Không

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS: Đủ

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Huỳnh Minh Sang